

Du Thong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2018/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh người đứng đầu,
cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc
Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ
thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi,

bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 312/TTr-SNV ngày 15 tháng 11 năm 2018 về việc ban hành Quyết định quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Công chức, viên chức được xem xét bổ nhiệm (bao gồm bổ nhiệm lần đầu và bổ nhiệm lại) các chức danh tại khoản 1 Điều này;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm quy định tại Quyết định này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này theo phân cấp quản lý công chức, viên chức.

2. Việc bổ nhiệm các chức danh tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này từ nguồn nhân sự nơi khác do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy trình điều động, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định hiện hành.

3. Các tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh tại khoản 1 Điều 1 không quy định tại Quyết định này hoặc quy định tại văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Tiêu chuẩn chung

1. Về phẩm chất chính trị

a) Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng;

b) Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước;

c) Có tinh thần yêu nước nồng nàn, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân;

d) Yên tâm công tác, chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

2. Về đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

a) Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư;

b) Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; không tham vọng quyền lực, không háo danh; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp;

c) Không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm; công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi;

d) Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

3. Về trình độ: Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, nhà nước.

4. Về năng lực và uy tín

a) Có tư duy đổi mới, có tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để phát huy, thúc đẩy hoặc tháo gỡ;

b) Nắm vững các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực Nội vụ, có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết tình hình thực tiễn để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công;

chủ động, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ;

c) Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm;

d) Có khả năng nghiên cứu, tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất các giải pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các hoạt động sự nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ.

5. Về sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm công tác: Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm theo quy định; có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý.

Điều 4. Tiêu chuẩn về trình độ

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phù hợp với vị trí việc làm dự kiến được phân công phụ trách, quản lý.

2. Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

4. Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, thạc sĩ quản lý hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công (trừ các chức danh là viên chức).

Điều 5. Điều kiện bổ nhiệm

1. Là công chức, viên chức được quy hoạch vào chức vụ bổ nhiệm (áp dụng đối với nguồn nhân sự tại chỗ) hoặc được quy hoạch vào chức vụ tương đương trở lên đối với chức vụ bổ nhiệm (áp dụng đối với nguồn nhân sự từ nơi khác) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này.

3. Đảm bảo đúng độ tuổi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định hiện hành.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác nhận.

5. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Có 03 năm gần nhất tính đến thời điểm bổ nhiệm, được đánh giá, xếp loại cuối năm từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với bổ nhiệm lần đầu) và có 05 năm gần nhất tính đến thời điểm bổ nhiệm lại được đánh giá, xếp loại cuối năm từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với bổ nhiệm lại).

7. Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 56 Luật Viên chức năm 2010.

8. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ: Có ít nhất 05 năm công tác trở lên, trong đó có ít nhất 03 năm công tác trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước hoặc trong các cơ quan khối Đảng (không kể thời gian tập sự) và đã có thời gian giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị ít nhất từ 01 năm trở lên (trừ trường hợp do luân chuyển cán bộ);

b) Đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ: Có ít nhất 03 năm công tác trở lên trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước hoặc trong các cơ quan khối Đảng (không kể thời gian tập sự);

c) Đối với chức danh Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Có ít nhất 04 năm công tác trở lên trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước hoặc trong các cơ quan khối Đảng (không kể thời gian tập sự) và đã có thời gian giữ chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương ở các cơ quan, đơn vị ít nhất từ 01 năm trở lên (trừ trường hợp do luân chuyển cán bộ);

d) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Có ít nhất 03 năm công tác trở lên trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước hoặc trong các cơ quan khối Đảng (không kể thời gian tập sự).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Quyết định này để thực hiện các thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định và theo phân cấp quản lý.

2. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng của cơ quan trực thuộc Sở Nội vụ (nếu có);

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ theo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Như Điều 7;
- Đài phát thanh truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND huyện, thành phố;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng tin học công báo, VP UBND tỉnh;
- TP, PTP Nội chính;
- Lưu: VT, NC (Thg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Phạm Minh Huân